

# Ý nghĩa các chỉ số trong xét nghiệm máu

BS. PHẠM VĂN PHIÊN

Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Xét nghiệm



*Xét nghiệm máu là một xét nghiệm thường quy được bác sĩ chỉ định khi khám chữa bệnh, giúp chẩn đoán bệnh, theo dõi tiến triển của bệnh và đánh giá hiệu quả quá trình điều trị.*

Xét nghiệm máu là xét nghiệm khá đơn giản và thường gồm các loại xét nghiệm sau:

- **Xét nghiệm công thức máu toàn phần:** xác định các chỉ số về hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu từ đó giúp chẩn đoán sớm các bệnh lý của hệ tạo máu như thiếu máu, suy tủy, ung thư máu hay cảnh báo sớm các bệnh lý viêm nhiễm khác
- **Xét nghiệm nhóm máu:** ABO, Rh và các nhóm máu phụ cho biết nhóm máu giúp đảm bảo trong truyền máu và xác định huyết thống cũng như chủng tộc

- **Xét nghiệm bệnh đái tháo đường:** Glycemil và HbA1c giúp xác định nồng độ đường trong máu để chẩn đoán và theo dõi điều trị trong bệnh tiểu đường.
- **Xét nghiệm mỡ máu:** giúp xác định hàm lượng cholesterol và triglyceride và HDL-C, LDL-C trong máu gây các bệnh lý: xơ vữa mạch máu, bệnh lý tim mạch.
- **Xét nghiệm men gan:** bao gồm men ALT (SGPT), AST (SGOT), GGT là những enzym được giải phóng khi có tổn thương tế bào gan. ALT có chủ yếu trong gan, còn AST không chỉ trong gan mà còn có ở cơ tim, cơ vân, tụy, thận, não, ..Vì vậy, nồng độ ALT đặc hiệu cho các tổn thương ở gan hơn so với AST.
- **Xét nghiệm chức năng thận:** gồm các xét nghiệm urea, creatinine, tổng phân tích nước tiểu, tỷ số albumin NT/creatinine NT, Protein niệu 24 giờ, microalbumine...
- **Xét nghiệm men tim:** gồm xét nghiệm CPK, CKMB, Troponin T, Troponin I đánh giá mức độ tổn thương cơ, các chỉ số này tăng cao trong nhồi máu cơ tim khi có sự hủy hoại cơ tim .
- **Xét nghiệm bệnh khớp:** ASO, RF, CRP đánh giá các bệnh lý viêm khớp
- **Xét nghiệm điện giải đồ:** Na, K, Ca, Cl đánh giá cân bằng điện giải
- **Xét nghiệm hormone tuyến giáp:** T3, T4, FT3, FT4, TSH cho biết bệnh lý cường giáp khi tăng T3, T4, FT3, FT4 và giảm TSH, hoặc bệnh lý suy giáp khi giảm T3, T4, FT3, FT4 và tăng TSH.
- **Các xét nghiệm dấu ấn ung thư:** AFP ung thư gan, PSA ung thư tiền liệt tuyến, CEA ung thư tế bào biểu mô, CA 12.5 ung thư buồng trứng, CA 15.3 ung thư vú, CA 72.3 ung thư dạ dày, CA 19.9 ung thư tụy, gan, mật...